



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, gồm:

- Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.
- Xe ô tô phục vụ công tác chung.
- Xe ô tô chuyên dùng.
- Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 18 Nghị định này) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị xe ô tô, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

c) Các hội quần chúng có tính chất đặc thù được Nhà nước hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung của chức danh, chức vụ tương đương.

3. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này.

4. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý. Việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã quá thời gian sử dụng để tính hao mòn theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.

b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã sử dụng trên 250.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước còn lại.

c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa để khắc phục hư hỏng lớn hơn 30% so với nguyên giá).

5. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô:

a) Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, bộ, cơ quan trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 15% so với các mức giá quy định tại Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này cho phù hợp.

b) Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không vượt quá 15% mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại Nghị định này. Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô của cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với trường hợp còn lại) xem xét, quyết định giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn trên 15% mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại Nghị định này.

6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.

Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục, các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện.

7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra

Chính phủ, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thị trường, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số xe ô tô phục vụ công tác chung cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) thì số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định bằng số xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các trường hợp cần thiết khác, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư) tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương; Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

9. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Chương II **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ**

Mục 1 **XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH**

Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá

1. Tổng Bí thư.
2. Chủ tịch nước.
3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội.

Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá

1. Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

2. Chế độ trang bị:

a) Trường hợp mua mới xe ô tô, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại, giá mua xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Trường hợp trang bị theo hình thức giao, điều chuyển xe ô tô, cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định việc giao, điều chuyển xe ô tô để trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này. Trình tự, thủ tục giao, điều chuyển xe ô tô thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá

1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ

nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội).

2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán nhà nước; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu đồng/xe, gồm: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:

a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm:

Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán nhà nước; Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư.

Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm:

Tổng Cục trưởng, Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế).

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Trưởng Ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tập đoàn kinh tế, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí đề

xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả giữa việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác với việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này của từng bộ, cơ quan trung ương, tổng cục, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập đoàn kinh tế áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho toàn bộ công đoạn thì không trang bị xe ô tô phục vụ chức danh.

Mục 2

XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

- a) Phó Tổng cục trưởng và tương đương.
- b) Vụ trưởng và tương đương; Phó Vụ trưởng và tương đương.
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh).
- d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.
- đ) Bí thư Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- e) Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- g) Ủy viên (Thành viên) Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc tập đoàn kinh tế; Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này.

5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, và 12 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ các đơn vị ngành dọc trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

c) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.

d) Việc quyết định số lượng xe ô tô quy định tại các điểm a, b và c khoản này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng đối với các đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

g) Các đơn vị (Chi cục, cảng vụ, trung tâm,...) trực thuộc cấp cục và tổ chức tương đương thuộc bộ, cơ quan trung ương có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này; định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị trực thuộc được xác định như sau:

Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/đơn vị.

Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 02 xe/đơn vị.

2. Đối với bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.
- g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

h) Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này được bổ sung định mức 01 xe nếu thỏa mãn 01 tiêu chí, được bổ sung định mức 02 xe nếu thỏa mãn từ 02 tiêu chí trở lên.

i) Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì xác định định mức như sau:

Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên và biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn một huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này.

Cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

5. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với các cục, vụ và tổ chức tương đương quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của bộ, cơ quan trung ương (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

b) Đối với các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp; số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định quản lý xe ô tô của đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này theo phương thức quản lý tập trung thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không tính định mức riêng mà gộp chung số biên chế của các đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định quản lý xe ô tô của đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này theo phương thức quản lý trực tiếp thì số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp các đơn vị này có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.

d) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm a, b và c khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.